

Name: _____

CE01

LISTENING 01

PART 1 - LISTENING: FILL IN THE BLANKS

Hi, this is _____.

I bought a pair of _____ shoes from your _____ store,
but they're too _____ because I got _____ width instead of
_____.

What can I do?

Sorry about that.

Shoes do _____ with wear,
but you can return them by _____ or at one of our _____.

Driving across _____ is too much _____ for me.

How do I return them by _____?

Just fill out the _____ form on the packing slip,
attach a _____ label,
and mail them back in the _____ packaging.



PART 2 - VOCABULARY

A. Viết nghĩa TIẾNG VIỆT cho các từ/cụm sau:

dress shoes: _____
tight: _____
narrow width: _____
medium (width): _____
stretch with wear: _____
outlet: _____
hassle: _____
packing slip: _____
shipping label: _____
original packaging: _____

B. Viết từ/cụm TIẾNG ANH cho các nghĩa sau:

giày tây, giày trang trọng: _____
chật, bó: _____
chiều rộng hẹp: _____
chiều rộng trung bình: _____
giãn ra khi sử dụng: _____
cửa hàng chi nhánh / đại lý: _____
sự phiền phức: _____
phiếu đóng gói: _____
nhãn vận chuyển: _____
bao bì ban đầu: _____